

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 219/2020/DS-ST

Ngày: 10-8-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Huỳnh Hải Dương – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 550/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 179/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Châu T, sinh năm 1982, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: số 64/12 đường Bung Ông T, Phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Công Đ, sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: 39D, Đường số 20, phường Phú Hữu, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Chi Tr, sinh năm: 1964 và bà Trần Thị D, sinh năm: 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 69, Tỉnh lộ 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 09/8/2019, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Châu T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Huỳnh Công Đ thống nhất trình bày:

Do có quen biết trong quá trình làm ăn, kinh doanh nên ngày 01/9/2014, ông T có cho ông Nguyễn Chi Tr và bà Trần Thị D mượn số tiền 250.000.000đ với lãi suất 3%/tháng, thời gian trả là một tháng nhưng đến nay, mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu ông Tr và bà D trả nợ nhưng vợ chồng ông Tr, bà D không trả tiền cho ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C buộc ông Nguyễn Chi Tr và bà Trần Thị D phải trả cho ông T số tiền 250.000.000đ, ông T không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn là ông Nguyễn Chi Tr và bà Trần Thị D vắng mặt.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 463, 466. 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Chi Tr và bà Trần Thị D phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Châu T số tiền 250.000.000đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Lê Châu T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Chi Tr và bà Trần Thị D phải trả số tiền 250.000.000 đồng theo giấy vay mượn tiền, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là ông Tr, bà D cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Bị đơn ông Nguyễn Chi Tr và bà Trần Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Tr và bà D không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ nộp cho Tòa án, là đã từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Giấy mượn tiền lập ngày 01/9/2014 do nguyên đơn cung cấp lập thành văn bản là phù hợp với quy định của pháp luật về hình thức của hợp đồng vay tài sản. Tại giấy mượn tiền có chữ ký của ông Tr và bà D, thể hiện rõ nội dung ngày 01/9/2014, ông Tr và bà D có mượn của ông T số tiền 250.000.000đồng, thời gian mượn là 01 tháng (tức ngày 01/10/2014 là hạn cuối phải trả). Tuy nhiên, đến nay ông Tr, bà D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Châu T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lỗi, ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Chi Tr và bà Trần Thị D phải cùng chịu 12.500.000 đồng (5% của số tiền 250.000.000 đồng). Hoàn trả lại cho ông Lê Châu T số tiền 6.250.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0022684 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 280, 465, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Châu T.

Buộc ông Nguyễn Chi Tr và bà Trần Thị D phải cùng thanh toán cho ông Lê Châu T số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Châu T nếu ông Nguyễn Chi Tr và bà Trần Thị D chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả xong nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Chi Tr và bà Trần Thị D phải cùng chịu 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Hoàn lại cho ông Lê Châu T số tiền 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0022684 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

3. Án xử công khai có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc